

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2018/HNST

Ngày 18 tháng 10 năm 2018

V/v Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M – TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Từ Ngọc Viễn**.

+ Bà **Nguyễn Thị Hơ**.

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Tín** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố M- Tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M: Bà **Ngô Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố M tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 541/2018/TLST-DS ngày 06/8/2018 về tranh chấp “ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2018, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tấn L**, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà X, ấp P, xã T, thành phố M, Tiền Giang.

2/ Bị đơn: Chị **Trần Thị Tuyết P**, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà X, ấp P, xã T, thành phố M, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo anh Nguyễn Tấn L, anh và chị Trần Thị Tuyết P sống chung vào năm 2002, có đăng ký kết hôn, do tìm hiểu. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh chị ly thân từ tháng 8 năm 2017. Trong quá trình ly thân, anh chị không gặp gỡ nhau hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trần Th, sinh ngày 13/5/2005 và Nguyễn Trần T sinh ngày 13/5/2005. Nếu ly hôn anh đồng ý trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị P cấp dưỡng.

Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Chị Trần Thị Tuyết P trình bày: thống nhất với lời trình bày của anh L về quan hệ hôn nhân. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, chị có hiếu lắm và ghen tuông nhưng không làm gì để ảnh hưởng tới anh L. Do anh L hiếu lắm chị nên làm đơn ly hôn. Chị còn thương chồng và nhận thấy anh L cũng còn tình cảm với chị. Chị xác định nếu hai vợ chồng đoàn tụ, chị sẽ theo anh L về nhà anh sinh sống để nuôi dạy con. Chị cũng nhận thức được chị ghen tuông là không có cơ sở. Chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trần Th, sinh ngày 13/5/2005 và Nguyễn Trần T sinh ngày 13/5/2005. Nếu ly hôn, chị đồng ý để anh L trực tiếp nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu: Về tố tụng: thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà. Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Trong quá trình chung sống, giữa anh L và chị Phương có mâu thuẫn kéo dài. Anh chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho anh L ly hôn với chị P. Về con chung: anh chị thống nhất anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Trần Th, sinh ngày 13/5/2005 và Nguyễn Trần T sinh ngày 13/5/2005, là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu tại bản tự khai ngày 22/8/2018, nên đề nghị ghi nhận. Về mức cấp dưỡng: anh chị thống nhất không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết và nợ chung: không có nên không xem xét.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Tấn L yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Phương. Tranh chấp được xác định là “Ly hôn”, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy, anh Nguyễn Tấn L và chị Trần Thị Tuyết P sống chung năm 2002, có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh L yêu cầu được ly hôn nhưng chị Phương không đồng ý. Nhận thấy, anh L và chị Phương sống ly thân kéo dài. Trong thời gian ly thân, anh chị không có biện pháp nào hàn

gắn tình cảm. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho anh L được quyền ly hôn với chị Phương.

[3] Về con chung: Anh chị thống nhất, anh L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Trần Th, sinh ngày 13/5/2005 và Nguyễn Trần T sinh ngày 13/5/2005, chị Phương không phải cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 22/8/2018, hai cháu Thành và Tài cùng có nguyện sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: anh L, chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: không có.

Từ phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Tấn L.

1/ Về tình cảm: Cho anh Nguyễn Tấn L được quyền ly hôn với chị Trần Thị Tuyết P.

2/ Về con chung: Anh Nguyễn Tấn L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Trần Th, sinh ngày 13/5/2005 và Nguyễn Trần T sinh ngày 13/5/2005. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền ngăn cản việc chăm sóc giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4/ Về nợ chung: không có.

5/ Về án phí: Anh L phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0012946 ngày 06/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M nên anh đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh TG.
- VKSND tỉnh phố M
- Chi cục THA DS.
- Đường sự.
- UBND xã T
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Phương